

BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG PHƯỜNG - TRƯỜNG TIỂU HỌC (Lớp 1_2023-2024)

Tên trường TiH	Tên phường, khu phố	Đã phân tuyển	Theo phân tuyến		Chỉ tiêu nhận					
			Số lớp	BQ/lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi		Tăng cường TA	Tiếng Anh tích hợp	TS học sinh
						K bán trú	Bán trú			
Tân Thuận Đông (CS1)	P. Tân Thuận Đông: toàn bộ KP1A và KP1B	269	4	34	0	0	4	4	0	160
Tân Thuận Đông (CS2)	P. Tân Thuận Đông: toàn bộ KP2 và KP2A		4		0	0	4	4	0	160
Tân Hưng (CS1)	tổ 21 đến tổ 32, CC HAGL Thanh Bình, CC HA Gia Lai 2, CC Tân Hưng) P. Tân Hưng: KP5 (Tổ 1 đến 28 và CC Florita, KCH Himlam Riverside, KCH Sunrise City, KDC Himlam)	360	3	45	0	0	3	3	0	120
	Tân Hưng (CS2)		P. Tân Thuận Tây: KP4 (từ tổ 8 đến tổ 20) P. Tân Kiểng: KP4 (từ tổ 8 đến tổ 24)		5	0	0	5	5	0
Kim Đồng	P.Tân Thuận Tây: KP1 (từ tổ 3 đến tổ 9) P. Bình Thuận: KP1 (từ tổ 1 đến tổ 5); KP2 (từ tổ 6 đến tổ 14) và KP3 (từ tổ 15 đến tổ 22)	268	8	34	0	0	8	8	0	320
Đặng Thùy Trâm (CS1)	P. Tân Thuận Tây: KP1 (tổ 1, tổ 2 và từ tổ 10 đến tổ 14); toàn bộ KP3; KP4 (từ tổ 1 đến tổ 7) và KP5 P. Tân Kiểng: KP4 (từ tổ 1 đến tổ 7) P. Tân Thuận Đông: KP4	306	6	34	0	0	6	6	0	240
	Đặng Thùy Trâm (CS2-cạnh LỘLĐ)		P. Tân Thuận Đông: toàn bộ KP3 và KP5 P. Tân Thuận Tây: toàn bộ KP2		3	0	0	3	3	0
Tân Quy (CS1)	P. Tân Quy: toàn bộ KP1 (kể cả cụm HAGL) và KP2 (từ tổ 13 đến tổ 15 (kể cả Chung cư Minh Thành nay là tổ 63)	305	2	38	0	0	2	2	0	80
Tân Quy (CS2)	P. Tân Hưng: toàn bộ KP1 và KP2 P. Tân Hưng: KP4 (Tổ 7 đến 12 và từ tổ 13 đến tổ 17 và tổ 20) P. Tân Hưng: KP5 (Tổ 29 đến 33)		6		0	0	6	6	0	240
Lương Thế Vinh	P. Tân Quy: KP2 (từ tổ 16 đến tổ 28 (kể cả tổ 64 là tổ tách ra từ tổ 28)). P. Tân Kiểng: toàn bộ KP1; KP2 và KP3	357	10	36	0	0	10	8	2	400



Chức

Tên trường TiH	Tên phường, khu phố	Đã phân tuyển	Theo phân tuyển		Chỉ tiêu nhận					
			Số lớp	BQ/lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi		Tăng cường TA	Tiếng Anh tích hợp	TS học sinh
Võ Thị Sáu	P. Tân Phong: khu vực tổ 9 KP1, toàn bộ KP3; KP4 và KP6	357	10	36	0	0	10	6	4	350
Đinh Bộ Lĩnh (CS1)	P. Tân Phú: toàn bộ KP1 (trừ CC StarHill) và KP2	262	6	44	0	0	6	5	1	240
	P. Tân Phú: KP6 (những trường hợp không học trường Lê Văn Tám)									
	P. Tân Phong: toàn bộ KP1 (từ tổ 1 đến tổ 8), KP2 và KP5									
Nguyễn Thị Định	P. Bình Thuận: toàn bộ KP3A; KP5 và KP6	397	10	40	0	0	10	9	1	400
	P. Bình Thuận: KP4 (từ tổ 30 đến tổ 36); KP4A (từ tổ 37 đến tổ 42)									
	P. Tân Quy: toàn bộ KP3 và KP4									
Nguyễn Văn Hưởng	P. Phú Thuận: KP3 (từ tổ 28 đến tổ 32A) và toàn bộ KP4	293	7	42	0	0	7	7	0	280
	P. Tân Phú: KP4 và KP5 (các trường hợp không học trường Lê Văn Tám)									
Lê Anh Xuân	P. Phú Thuận: Chung cư Luxgaden thuộc KP1, toàn bộ KP2 và KP3 (tổ 26, tổ 27, tổ 27A và tổ 27B)	275	7	39	0		7	7	0	280
	P. Tân Phú: KP3 (những trường hợp không học trường Lê Văn Tám)									
Phú Thuận	P. Phú Thuận: toàn bộ KP1 (trừ Chung cư Luxgaden)	285	6	48	0	0	6	5	1	240
	P. Tân Thuận Đông: toàn bộ KP1									
Phú Mỹ	P. Phú Mỹ: KP1 (từ tổ 1A, 1B đến tổ 8 và tổ 34), KP2 (từ tổ 9 đến tổ 16) và KP3 (từ tổ 21 đến tổ 33)	246	7	35	0	0	7	7	0	280
Phạm Hữu Lầu	P. Phú Mỹ: KP2 (tổ 17, 17A, 18, 19, 19A, 20 và từ tổ 35 đến tổ 51)	331	8	41	0	0	8	7	1	320
Tổng cộng	14 trường	4311	112	38	0	0	112	102	10	4430



Handwritten signature in blue ink.

Tên trường TiH	Tên phường, khu phố	Đã phân tuyển	Theo phân tuyển		Chỉ tiêu nhận					
			Số lớp	BQ/lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi		Tăng cường TA	Tiếng Anh tích hợp	TS học sinh
						K bán trú	Bán trú			

Ghi chú:

- Sĩ số lớp Tiếng Anh tích hợp (Tiểu học Võ Thị Sáu, Tiểu học Lương Thế Vinh, Tiểu học Nguyễn Thị Định, Tiểu học Phú Thuận, Tiểu học Phạm Hữu Lầu, Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh (CS1) và Tiểu học Lê Văn Tám): 35 HS/ lớp.

- Sĩ số lớp cho trường Tiên tiến, hội nhập quốc tế (Tiểu học Lê Văn Tám): 35 HS/lớp. Nếu học sinh trong tuyển trường Tiểu học Lê Văn Tám không học trường Tiên tiến, hội nhập quốc tế thì chuyển về trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh (CS1), Tiểu học Lê Anh Xuân và Tiểu học Nguyễn Văn Hưởng theo phân tuyển của Ban Chỉ đạo tuyển sinh quận.

- Trường tiểu học Lê Văn Tám và Trường tiểu học Nam Sài Gòn đã phân tuyển